

Bản án số: 08/2024/DS-ST

Ngày: 30/9/2024

“V/v: Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bùi Thị Thúy và bà Nguyễn Thị Phương Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2024, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 09/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-DS ngày 15/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-DS ngày 16/9/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1);

Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Ngô Chí D – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Chí D: Ông Phạm Tuấn A, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ Pháp lý.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Tuấn A:* Ông Nguyễn Minh B, ông Nguyễn Việt C và ông Nguyễn Đức L; đều có địa chỉ: Tầng G - tòa nhà V, số G D, Cầu G, Hà Nội.

- Bị đơn: Ông Vũ Quý L1, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962; đều có địa chỉ: Số C ngách B Đ, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962; địa chỉ: Số C ngách B Đ, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị M:* Công ty L3 thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Địa chỉ: P - D, ngõ H, phố H, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Luật sư Đỗ Văn H1, chức vụ: Giám đốc.

Tại phiên tòa có mặt ông Nguyễn Việt C; vắng mặt ông Vũ Quý L1 (không lý do); vắng mặt ông Đỗ Văn H1 (có đề nghị vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Nguyên đơn trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, như sau:***

Ông Vũ Quý L1 vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1) - Chi nhánh H2 với tổng số tiền vay là: **2.120.000.000 đồng (Hai tỷ, một trăm hai mươi triệu đồng)** theo Hợp đồng cho vay số LN1709280254892 ký ngày 09/10/2017; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 10/01/2018; Hợp đồng cho vay số LN1811131062454 ký ngày 15/11/2018; Hợp đồng cho vay số LN1811221083944 ký ngày 24/11/2018 và các Khế ước nhận nợ kèm theo. Chi tiết số tiền V1 yêu cầu ông Vũ Quý L1 thanh toán theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

**1. Số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cho vay số LN1709280254892 ngày 09/10/2017:** Số tiền nhận nợ: 750.000.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi triệu đồng*). Thời hạn vay: 300 tháng, từ ngày 10/10/2017 đến ngày 10/10/2042. Mục đích sử dụng vốn: Hoàn vốn mua nhà tại: Phường P, L, Hà Nội. Lãi suất cho vay trong hạn: 12,5%/năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,5 %/năm, phạt chậm trả lãi 10% (được hiểu là số tiền lãi phát sinh trên số tiền lãi trong hạn chưa trả). Thời hạn trả nợ: Nợ gốc: Trả 01 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 10/11/2017, tổng cộng 300 kỳ; Nợ lãi: Trả định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 10/11/2017. Tổng cộng 300 kỳ. Biện pháp bảo đảm: Thẻ chấp bằng 01 bất động sản tại địa chỉ: Tổ A, phường P, quận L, thành phố Hà Nội; thửa đất số (815-1)-2; tờ bản đồ số: 11; số sổ CG 623016 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Vũ Quý L1 theo Hợp đồng thế chấp số 03649/2017/HĐTC ký ngày 06/10/2017.

Căn cứ Hợp đồng đã ký, ngày 10/10/2017, V1 đã giải ngân cho ông L1 theo Khế ước nhận nợ Lần 01/số LN1709280254892, Ủy nhiệm chi ngày 10/10/2017.

Do đến kỳ thanh toán gốc, lãi tháng 8/2019, ông L1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo kỳ trả nợ trong Hợp đồng, khế ước nhận nợ đã ký (*Vi phạm Khoản 7, 8 Điều 1 Khế ước nhận nợ Lần 01/số: LN1709280254892*) nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn kể từ ngày 27/08/2019 (*Điểm a, khoản 1 Điều 7 Hợp đồng tín dụng*). Quá trình thực hiện hợp đồng, ông L1 đã thanh toán cho V1 số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2022 là: nợ gốc là 85.908.675 đồng; nợ lãi: 176.522.119 đồng; Tổng cộng: 262.430.794 đồng.

Quá trình thu hồi khoản nợ, ông L1 đã xin được tự bán tài sản bảo đảm để trả nợ Ngân hàng. Trên cơ sở chấp thuận của Ngân hàng, ngày 22/11/2022, ông L1 đã nộp tiền để thanh toán nợ gốc của hợp đồng tín dụng này là 664.091.325 đồng; đồng thời, V1 đã giải chấp tài sản là 01 bất động sản tại địa chỉ: Tổ A, phường P, quận L, thành phố Hà Nội; thửa đất số (815-1)-2; tờ bản đồ số: 11; số sổ CG 623016 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Vũ Quý L1 theo Hợp đồng thế chấp số 03649/2017/HĐTC ký ngày 06/10/2017 cho ông L1. Do vậy, ngày 30/11/2022, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là: rút yêu cầu đối với số nợ gốc của hợp đồng này và rút yêu cầu kê biên phát mại đối với tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tổ A, phường P, quận L, thành phố Hà Nội; thửa đất số (815-1)-2; tờ bản đồ số: 11; số sổ CG 623016 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Vũ Quý L1.

Tính đến ngày 30/9/2024, số nợ của ông L1 theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ này theo bảng tính lãi là: Nợ gốc: 0 đồng; Nợ lãi: 463.284.428 đồng (gồm: lãi trong hạn là 4.641.864 đồng, lãi quá hạn là 458.642.564 đồng); Lãi chậm trả lãi: 2.367.987 đồng (10%/năm trên số lãi trong hạn chưa trả). Tổng cộng: 465.652.415 đồng.

**2. Số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 10/01/2018:** Số tiền nhận nợ: 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích sử dụng vốn: Vay mua sắm vật dụng gia đình. Lãi suất cho vay trong hạn: Theo lãi suất hiện hành của V1 20%, điều chỉnh định kỳ 3 tháng/1 lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn + biên độ 12 %, phạt chậm trả lãi 10% (trên số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán hoặc được hiểu là chậm trả). Thời hạn trả nợ: Nợ gốc: Trả 1 tháng/lần vào ngày 17 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 17/02/2018; Nợ lãi: Trả định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 17 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 17/02/2018.

Căn cứ Hợp đồng đã ký, ngày 17/01/2018, V1 đã giải ngân cho ông L1 số tiền 100.000.000 đồng. Quá trình thực hiện, ông L1 đã thanh toán cho V1 số tiền

nợ gốc và nợ lãi theo đúng thỏa thuận của hợp đồng tín dụng này, nợ gốc là 21.836.607 đồng, nợ lãi là 28.420.345 đồng. Đến kỳ thanh toán gốc, lãi tháng 8/2019, ông L1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo kỳ trả nợ trong Văn bản tín dụng đã ký (*Vi phạm điểm i, j tiểu mục, mục A, phần VIII Hợp đồng*) nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn kể từ ngày 27/08/2019 (*Điểm a, khoản 1 Điều 7 Điều kiện giao dịch chung*). Đến ngày 08/11/2021, ông L1 trả được thêm số nợ gốc là 78.163.393 đồng nhưng số nợ lãi vẫn chưa được thanh toán. Tính đến ngày 30/9/2024, dư nợ của ông Vũ Quý L1 tại V1 đối với khoản tín dụng này là: Nợ gốc: 0 đồng; Nợ lãi: 51.947.819 đồng (gồm: lãi trong hạn là 431.290 đồng, lãi quá hạn là 51.516.529 đồng); Lãi chậm trả lãi: 220.017 đồng (10%/năm trên số lãi trong hạn chưa trả). Tổng cộng: 52.167.836 đồng.

**3. Số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cho vay số LN1811131062454 ký ngày 15/11/2018:** Số tiền nhận nợ: 620.000.000 đồng (*Sáu trăm hai mươi triệu đồng*). Thời hạn vay: 300 tháng, từ ngày 17/11/2018 đến ngày 17/11/2043. Mục đích sử dụng vốn: Hoàn tiền mua bất động sản tại địa chỉ số A ngõ G T, phường T, quận T, thành phố Hà Nội. Lãi suất cho vay trong hạn: 12,5%/năm điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất tiết kiệm thường VNĐ tại quầy kỳ hạn 24 tháng theo mức tiền gửi cao nhất của Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 5,5 %/năm, phạt chậm trả lãi 10% (trên số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán hoặc được hiểu là chậm trả). Thời hạn trả nợ: Nợ gốc: Trả 01 tháng/lần vào ngày 17 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 17/12/2018, tổng cộng 300 kỳ; Nợ lãi: Trả định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 17 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 17/12/2018. Tổng cộng 300 kỳ. Biện pháp bảo đảm: Thế chấp bằng 01 bất động sản tại địa chỉ: Số A ngõ G T, phường T, quận T, thành phố Hà Nội; thửa đất số 71a (chung); tờ bản đồ số: 12; số sổ 10103031192 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Vũ Quý L1 theo Hợp đồng thế chấp số 4402/2018 ký ngày 15/11/2018.

Căn cứ Hợp đồng đã ký, ngày 17/11/2018 V1 đã giải ngân cho ông L1 theo Khế ước nhận nợ Lần 01/số LN1811131062454, Ủy nhiệm chi ngày 17/11/2018. Đến kỳ thanh toán gốc, lãi tháng 8/2019, ông Vũ Quý L1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo kỳ trả nợ trong Hợp đồng, khế ước nhận nợ đã ký (*Vi phạm Khoản 8, 9 Điều 1 Khế ước nhận nợ*) nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn kể từ ngày 27/08/2019 (*Điểm a, khoản 1 Điều 7 Hợp đồng tín dụng*). Quá trình thu hồi khoản nợ, ông L1 đã xin được tự bán tài sản bảo đảm để trả nợ Ngân hàng. Trên cơ sở chấp thuận của Ngân hàng, ngày 08/11/2021, ông L1 đã nộp tiền để thanh toán nợ gốc của các khoản vay tại



V1; đồng thời, V1 đã giải chấp tài sản Số A ngõ G T, phường T, quận T, thành phố Hà Nội cho ông L1. Tính đến ngày 30/9/2022, ông Vũ Quý L1 đã trả cho V1 số tiền là: nợ gốc: 620.000.000 đồng; nợ lãi: 59.905.539 đồng; Tổng cộng: 679.905.539 đồng. Từ sau ngày này, ông L1 chỉ còn nợ tiền lãi, tuy nhiên từ đó đến nay ông L1 không trả được thêm khoản tiền nào nữa.

Tính đến ngày 30/9/2024, dư nợ của ông Vũ Quý L1 tại V1 đối với khoản tín dụng này là: Nợ gốc: 0 đồng; Nợ lãi: 226.637.136 đồng (gồm: lãi trong hạn là 1.814.195 đồng, lãi quá hạn là 224.822.941 đồng); Lãi chậm trả lãi: 879.263 đồng (10%/năm trên số lãi trong hạn chưa trả). Tổng cộng: 227.516.399 đồng.

**4. Số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cho vay số: LN1811221083944 ký ngày 24/11/2018:** Số tiền nhận nợ: 650.000.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*). Thời hạn vay: 300 tháng, từ ngày 27/11/2018 đến ngày 27/11/2043. Mục đích sử dụng vốn: Hoàn vốn thanh toán tiền mua BĐS tại: Xóm L, Đ, P, G, Hà Nội (Theo GCQ: CP 022134). Lãi suất cho vay trong hạn: 14 %/năm điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất tiết kiệm thường VNĐ tại quầy kỳ hạn 24 tháng theo mức tiền gửi cao nhất của Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 7 %/năm, phạt chậm trả lãi 10% (trên số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán hoặc được hiểu là chậm trả). Thời hạn trả nợ: Nợ gốc: Trả 01 tháng/lần vào ngày 17 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 17/12/2018, tổng cộng 300 kỳ; Nợ lãi: Trả định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 17 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 17/12/2018. Tổng cộng 300 kỳ. Biện pháp bảo đảm: Thế chấp bằng 01 bất động sản tại địa chỉ: Xóm L, thôn Đ, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội; thửa đất số 13; tờ bản đồ số: Đ; số sổ CP 022134 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Vũ Quý L1 theo Hợp đồng thế chấp số 4549/2018 ký ngày 24/11/2018.

Căn cứ Hợp đồng đã ký, ngày 27/11/2018, V1 đã giải ngân cho ông L1 theo Khế ước nhận nợ Lần 01/số: LN1811221083944, Ủy nhiệm chi ngày 27/11/2018. Đến kỳ thanh toán gốc, lãi tháng 8/2019, ông Vũ Quý L1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo kỳ trả nợ trong Hợp đồng, khế ước nhận nợ đã ký (*Vi phạm Khoản 8, 9 Điều 1 Khế ước nhận nợ Lần 01/số: LN1709280254892*) nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn kể từ ngày 27/08/2019 (*Điểm a, khoản 1 Điều 7 Hợp đồng tín dụng*). Quá trình thực hiện hợp đồng, ông L1 đã thanh toán cho V1 số tiền tính đến ngày 30/09/2022 là: nợ gốc: 10.117.562 đồng; nợ lãi: 62.020.849 đồng; Tổng cộng: 72.138.411 đồng. Đến ngày 22/11/2022, ông L1 trả thêm số nợ gốc là 285.908.675 đồng, ngoài ra không trả thêm khoản nào khác.

Quá trình thu hồi khoản nợ, ông L1 đã xin được tự giải quyết tài sản bảo

đảm đê trả nợ Ngân hàng. Trên cơ sở chấp thuận của Ngân hàng, ngày 15/7/2024, ông L1 đã nộp tiền để thanh toán nợ gốc của hợp đồng tín dụng này là 353.973.763 đồng và trả tiền lãi là 76.026.237 đồng; đồng thời, V1 đã giải chấp tài sản là 01 bất động sản tại địa chỉ: Xóm L, thôn Đ, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội; thửa đất số 13; tờ bản đồ số: Đ; số sổ CP 022134 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Vũ Quý L1 theo Hợp đồng thế chấp số 4549/2018 ký ngày 24/11/2018. Do vậy ngày 26/7/2024, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 30/11/2022, cụ thể: rút yêu cầu đối với số nợ gốc của hợp đồng này và rút yêu cầu kê biên phát mại đối với tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xóm L, thôn Đ, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội; thửa đất số 13; tờ bản đồ số: Đ; số sổ CP 022134 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Vũ Quý L1.

Tính đến ngày 30/9/2024, dư nợ của ông L1 tại V1 đối với khoản tín dụng này là: Nợ gốc: 0 đồng; Nợ lãi: 498.619.241 đồng (gồm: lãi trong hạn là 8.240.579 đồng, lãi quá hạn là 490.450.662 đồng); Lãi chậm trả lãi: 4.203.824 đồng (10%/năm trên số lãi trong hạn chưa trả). Tổng cộng: 502.895.065 đồng.

***Đến nay nguyên đơn đề nghị Tòa án:***

1. Buộc ông Vũ Quý L1 phải thanh toán cho V1 toàn bộ số tiền nợ lãi, tiền lãi chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo:

- Hợp đồng cho vay số LN1709280254892 ký ngày 09/10/2017 và Khế ước nhận nợ Lần 01/số LN1709280254892 là: Nợ lãi: 463.284.428 đồng (gồm: lãi trong hạn là 4.641.864 đồng, lãi quá hạn là 458.642.564 đồng); Lãi chậm trả lãi: 2.367.987 đồng (10%/năm trên số lãi trong hạn chưa trả). Tổng cộng: 465.652.415 đồng.

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 10/01/2018 là: Nợ lãi: 51.947.819 đồng (gồm: lãi trong hạn là 431.290 đồng, lãi quá hạn là 51.516.529 đồng); Lãi chậm trả lãi: 220.017 đồng (10%/năm trên số lãi trong hạn chưa trả). Tổng cộng: 52.167.836 đồng.

- Hợp đồng cho vay số LN1811131062454 ký ngày 15/11/2018 và Khế ước nhận nợ Lần 01/số LN1811131062454 là: Nợ lãi: 226.637.136 đồng (gồm: lãi trong hạn là 1.814.195 đồng, lãi quá hạn là 224.822.941 đồng); Lãi chậm trả lãi: 879.263 đồng (10%/năm trên số lãi trong hạn chưa trả). Tổng cộng: 227.516.399 đồng.

- Hợp đồng cho vay số LN1811221083944 ký ngày 24/11/2018 và Khế ước nhận nợ Lần 01/số: LN1811221083944 là: Nợ lãi: 498.619.241 đồng (gồm: lãi trong hạn là 8.240.579 đồng, lãi quá hạn là 490.450.662 đồng); Lãi chậm trả lãi: 4.203.824 đồng (10%/năm trên số lãi trong hạn chưa trả). Tổng cộng:

502.895.065 đồng.

Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi chậm trả theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng nêu trên và các Khế ước nhận nợ kèm theo cho đến ngày ông Vũ Quý L1 thanh toán hết nợ cho V1.

2. Do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể là:

- Rút yêu cầu ông Vũ Quý L1 phải thanh toán số tiền nợ gốc theo Hợp đồng cho vay số LN1709280254892 ký ngày 09/10/2017, khế ước nhận nợ Lần 01/số LN1709280254892 là 664.091.325 đồng và số tiền nợ gốc theo Hợp đồng cho vay số LN1811221083944 ký ngày 24/11/2018, Khế ước nhận nợ Lần 01/số: LN1811221083944 là 639.882.438 đồng. Tổng cộng là 1.303.973.763 đồng.

- Rút yêu cầu kê biên phát mại đối với tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Xóm L, thôn Đ, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CP 022134 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 13/11/2018 mang tên ông Vũ Quý L1 theo Hợp đồng thế chấp số 4549/2018 ký ngày 24/11/2018.

- Rút yêu cầu kê biên phát mại đối với tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tổ A, phường P, quận L, thành phố Hà Nội theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG623016 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 01/03/2017 mang tên bà Lâm Thị Đ, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị L2, sang tên cho ông Vũ Quý L1 tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H – Chi nhánh quận L ngày 28/08/2017 theo Hợp đồng thế chấp số 03649/2017/HĐTC ký ngày 06/10/2017.

Nên nguyên đơn đề nghị Tòa án đình chỉ các yêu cầu này theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Vũ Quý L1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông L1 theo quy định pháp luật.

Theo các lời khai của ông Đỗ Văn H1 trình bày: Ngày 12/7/2024, ông H, bà M và ông L1 đã thỏa thuận xong về cách giải quyết đối với tài sản là nhà và đất tại số C ngách B Đ, xã P, huyện G, Hà Nội. Ông L1 đã trả nợ vào ngân hàng V1, rút tài sản thế chấp là nhà đất này. Ngày 18/7/2024 đã tiến hành xóa thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tại Hà Nội. Sau khi rút tài sản thế chấp và đăng ký xóa thế chấp giữa ông L1 và ông H, bà M đã thỏa thuận được với nhau về cách giải quyết tài sản này. Hai bên đã giải quyết xong, không còn liên

quan hay vướng mắc gì với nhau nữa. Do quyền lợi của ông H, bà M đối với nhà và đất tại số C ngách B Đ, xã P, huyện G, Hà Nội đã được giải quyết xong nên ông không còn yêu cầu gì khác trong vụ án này.

Theo biên bản xác minh tại Công an xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương cung cấp: Ông Vũ Quý L1, sinh năm 1986, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương, ông L1 không có thông tin đăng ký tạm trú.

Theo biên bản xác minh, ông Vũ Đình T – Trưởng thôn Vân Am, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương cung cấp: Ông Vũ Quý L1, sinh năm 1986, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương, ông L1 đi làm ăn xa, thi thoảng mới về nhà tại thôn V, nhưng ông L1 đi làm ở đâu địa phương không nắm được.

Theo công văn số 24555/QLXNC-P3 ngày 18/9/2023 của Cục Q – Bộ C1 cung cấp: Vũ Quý L1, sinh ngày 09/06/1986, CMND số 142159739, sử dụng giấy thông hành số H1387765 nhập cảnh ngày gần đây nhất 25/8/2019, hiện chưa có thông tin xuất cảnh.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày, bị đơn vắng mặt (đã được triệu tập hợp lệ), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt (có đề nghị vắng mặt).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 116, Điều 117, Điều 157, Điều 275, Điều 278, Điều 280, Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 4, 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1):



- Về việc yêu cầu ông Vũ Quý L1 phải trả số tiền nợ gốc là **1.303.973.763 đồng** (một tỉ ba trăm linh ba triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng), theo Hợp đồng cho vay số LN1709280254892 ký ngày 09/10/2017, Khế ước nhận nợ Lần 01/số LN1709280254892 là 664.091.325 đồng và Hợp đồng cho vay số LN1811221083944 ký ngày 24/11/2018, Khế ước nhận nợ Lần 01/số: LN1811221083944 là 639.882.438 đồng.

- Về việc xử lý tài sản thế chấp là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Xóm L, thôn Đ, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CP 022134 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 13/11/2018 mang tên ông Vũ Quý L1 theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 4549/2018, quyền số 04-2018 TP/CC-SCC/HĐGD, ký ngày 24/11/2018 tại Văn phòng C2.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tổ A, phường P, quận L, thành phố Hà Nội theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG623016 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 01/03/2017 mang tên bà Lâm Thị Đ, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị L2, sang tên cho ông Vũ Quý L1 tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H – Chi nhánh quận L ngày 28/08/2017 theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 03649/2017/HĐTC, quyền số 01/2017/TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 06/10/2017 tại Văn phòng C3.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1):

Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc ông Vũ Quý L1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1) số tiền nợ lãi là **1.248.231.715 đồng** (một tỉ hai trăm bốn mươi tám triệu hai trăm ba mươi một nghìn bảy trăm mười lăm đồng), cụ thể tại:

- Hợp đồng cho vay số LN1709280254892 ký ngày 09/10/2017 và Khế ước nhận nợ Lần 01/số LN1709280254892 là: Nợ lãi: 463.284.428 đồng (gồm: lãi trong hạn là 4.641.864 đồng, lãi quá hạn là 458.642.564 đồng); Lãi chậm trả lãi: 2.367.987 đồng. Tổng cộng: **465.652.415 đồng** (bốn trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm lăm mươi hai nghìn bốn trăm mười lăm đồng).

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 10/01/2018 là: Nợ lãi: 51.947.819 đồng (gồm: lãi trong hạn là 431.290 đồng, lãi quá hạn là 51.516.529 đồng); Lãi chậm trả lãi: 220.017 đồng. Tổng cộng: **52.167.836 đồng** (năm mươi hai triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng).

- Hợp đồng cho vay số LN1811131062454 ký ngày 15/11/2018 và Khế ước nhận nợ Lần 01/số LN1811131062454 là: Nợ lãi: 226.637.136 đồng (gồm: lãi trong hạn là 1.814.195 đồng, lãi quá hạn là 224.822.941 đồng); Lãi chậm trả lãi: 879.263 đồng. Tổng cộng: **227.516.399 đồng** (hai trăm hai mươi bảy triệu năm trăm mười sáu nghìn ba trăm chín mươi chín đồng).

- Hợp đồng cho vay số LN1811221083944 ký ngày 24/11/2018 và Khế ước nhận nợ Lần 01/số: LN1811221083944 là: Nợ lãi: 498.619.241 đồng (gồm: lãi trong hạn là 8.240.579 đồng, lãi quá hạn là 490.450.662 đồng); Lãi chậm trả lãi: 4.203.824 đồng. Tổng cộng: **502.895.065 đồng** (năm trăm linh hai triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng).

3. Về án phí: Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải nộp án dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn khởi kiện theo Hợp đồng cho vay số LN1709280254892 ký ngày 09/10/2017; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 10/01/2018; Hợp đồng cho vay số LN1811131062454 ký ngày 15/11/2018; Hợp đồng cho vay số LN1811221083944 ký ngày 24/11/2018 và các Khế ước nhận nợ kèm theo giữa V1 với ông Vũ Quý L1. Ông L1 có đăng ký thường trú tại thôn V, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý vụ án dân sự, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

- Về quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện:

Đối với Hợp đồng cho vay số LN1709280254892 ký ngày 09/10/2017, ông L1 vi phạm nghĩa vụ vào tháng 8/2019, tuy nhiên ngày 22/11/2022 ông L1 đã trả tiền gốc. Còn Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 10/01/2018, ông L1 vi phạm nghĩa vụ vào tháng 8/2019, tuy nhiên ngày 08/11/2021 ông L1 đã trả tiền gốc. Hợp đồng cho vay số LN1811131062454 ký ngày 15/11/2018, ông L1 vi phạm nghĩa vụ vào tháng 8/2019, tuy nhiên ngày 08/11/2021 ông L1 đã trả tiền gốc, lãi. Hợp đồng cho vay số LN1811221083944 ký ngày 24/11/2018, ông L1 vi phạm nghĩa vụ vào tháng 8/2019, tuy nhiên ngày 22/11/2022 ông L1 đã trả một phần số tiền gốc. Ngày 17/10/2022, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán các khoản nợ theo các hợp đồng trên. Như vậy, nguyên đơn khởi kiện bị đơn là đúng

quy định tại Điều 186 BLTTDS và tranh chấp hợp đồng dân sự vẫn còn thời hiệu khởi kiện là đúng quy định tại Điều 157, Điều 429 Bộ luật dân sự (BLDS).

- Tại phiên tòa, các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS, HĐXX quyết định tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản tiền nợ gốc, lãi theo các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ sau: Hợp đồng cho vay số LN1709280254892 ký ngày 09/10/2017 và Khế ước nhận nợ Lần 01/số LN1709280254892; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 10/01/2018; Hợp đồng cho vay số LN1811131062454 ký ngày 15/11/2018 và Khế ước nhận nợ Lần 01/số LN1811131062454; Hợp đồng cho vay số LN1811221083944 ký ngày 24/11/2018 và Khế ước nhận nợ Lần 01/số: LN1811221083944; được ký kết giữa V1 và ông Vũ Quý L1, HĐXX thấy rằng: Các Hợp đồng và các khế ước nhận nợ đã được các bên giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của các Hợp đồng, các khế ước nhận nợ phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 116, Điều 117 BLDS nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng. Căn cứ vào các hợp đồng và các khế ước nhận nợ đã ký Ngân hàng đã giải ngân cho ông L1 tổng số tiền 2.120.000.000 đồng, ông L1 đã nhận đủ số tiền này. Sau khi ký kết hợp đồng, bị đơn thực hiện đúng nghĩa vụ trả gốc, lãi hàng tháng. Đến kỳ thanh toán gốc, lãi tháng 8/2019 ông L1 vi phạm nghĩa vụ trả gốc, lãi theo kỳ trả nợ trong các Hợp đồng, khế ước nhận nợ đã ký nêu trên, do vậy đã bị áp dụng lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi mà hai bên đã thỏa thuận.

Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2022 của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc là 1.303.973.763 đồng, nợ lãi 1.158.031.155 đồng, lãi chậm trả lãi 216.418.297 đồng theo các Hợp đồng, khế ước nhận nợ đã ký nêu trên. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L1 đã trả được hết số nợ gốc còn lại 1.303.973.763 đồng và một phần nợ lãi. Tính đến ngày 30/9/2024, bị đơn trả được hết tổng số nợ gốc là 2.120.000.000 đồng và 402.895.098 đồng tiền lãi, tổng cộng là 2.522.895.098 đồng. Do vậy, nguyên đơn đã rút yêu cầu bị đơn phải trả số gốc là 1.303.973.763 đồng (theo Hợp đồng cho vay số LN1709280254892 ký ngày 09/10/2017, Khế ước nhận nợ Lần 01/số

LN1709280254892 là 664.091.325 đồng; Hợp đồng cho vay số LN1811221083944 ký ngày 24/11/2018, Khế ước nhận nợ Lần 01/số: LN1811221083944 là 639.882.438 đồng), đến nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số nợ lãi chưa được thanh toán. Đến ngày 30/9/2024 tiền lãi còn lại của các Hợp đồng, khế ước nhận nợ đã ký nêu trên chưa được thanh toán là 1.248.231.715 đồng, cụ thể:

1. Hợp đồng cho vay số LN1709280254892 ký ngày 09/10/2017 và Khế ước nhận nợ Lần 01/số LN1709280254892 là: Nợ lãi: 463.284.428 đồng (gồm: lãi trong hạn là 4.641.864 đồng, lãi quá hạn là 458.642.564 đồng); Lãi chậm trả lãi: 2.367.987 đồng (10%/năm trên số lãi trong hạn chưa trả). Tổng cộng: 465.652.415 đồng.

2. Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 10/01/2018 là: Nợ lãi: 51.947.819 đồng (gồm: lãi trong hạn là 431.290 đồng, lãi quá hạn là 51.516.529 đồng); Lãi chậm trả lãi: 220.017 đồng (10%/năm trên số lãi trong hạn chưa trả). Tổng cộng: 52.167.836 đồng.

3. Hợp đồng cho vay số LN1811131062454 ký ngày 15/11/2018 và Khế ước nhận nợ Lần 01/số LN1811131062454 là: Nợ lãi: 226.637.136 đồng (gồm: lãi trong hạn là 1.814.195 đồng, lãi quá hạn là 224.822.941 đồng); Lãi chậm trả lãi: 879.263 đồng (10%/năm trên số lãi trong hạn chưa trả). Tổng cộng: 227.516.399 đồng;

4. Hợp đồng cho vay số LN1811221083944 ký ngày 24/11/2018 và Khế ước nhận nợ Lần 01/số: LN1811221083944 là: Nợ lãi: 498.619.241 đồng (gồm: lãi trong hạn là 8.240.579 đồng, lãi quá hạn là 490.450.662 đồng); Lãi chậm trả lãi: 4.203.824 đồng (10%/năm trên số lãi trong hạn chưa trả). Tổng cộng: 502.895.065 đồng.

Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đã vi phạm các cam kết, thỏa thuận, trong các hợp đồng và các điều khoản ký kết tại khế ước nhận nợ khi giải ngân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc cũng không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Do nguyên đơn rút yêu cầu bị đơn phải trả số nợ gốc là 1.303.973.763 đồng (theo Hợp đồng cho vay số LN1709280254892 ký ngày 09/10/2017, Khế ước nhận nợ Lần 01/số LN1709280254892 là 664.091.325 đồng; Hợp đồng cho vay số LN1811221083944 ký ngày 24/11/2018, Khế ước nhận nợ Lần 01/số: LN1811221083944 là 639.882.438 đồng), xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, hơn nữa bị đơn đã trả hết số nợ gốc này nên HĐXX chấp nhận. Còn



đối với toàn bộ số tiền lãi còn lại của các Hợp đồng, khế ước nhận nợ đã ký nêu trên chưa được thanh toán là 1.248.231.715 đồng, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ đã ký kết và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền trên theo thỏa thuận trong hợp đồng hai bên đã ký kết. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ đã ký kết.

[2.2] Tại đơn khởi kiện ngày 01/10/2022, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp trong trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không hết nợ, gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Xóm L, thôn Đ, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CP 022134 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 13/11/2018 mang tên ông Vũ Quý L1 theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 4549/2018, quyển số 04 - 2018 TP/CC-SCC/HĐGD, ký ngày 24/11/2018 giữa nguyên đơn và bị đơn tại Văn phòng C2; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tổ A, phường P, quận L, thành phố Hà Nội theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG623016 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 01/03/2017 mang tên bà Lâm Thị Đ, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị L2, sang tên cho ông Vũ Quý L1 tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H – Chi nhánh quận L ngày 28/08/2017 theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 03649/2017/HĐTC, quyển số 01/2017/TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 06/10/2017 giữa nguyên đơn và bị đơn tại Văn phòng C3.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, nguyên đơn đã giải chấp và trả lại các tài sản đã thế chấp nêu trên cho bị đơn. Đến nay, nguyên đơn rút yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp của bị đơn, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận do vậy hoàn lại tạm ứng án phí cho nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 116, Điều 117, Điều 157, Điều 275, Điều 278, Điều 280, Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều

95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 4, 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1):

- Về việc yêu cầu ông Vũ Quý L1 phải trả số tiền nợ gốc là **1.303.973.763 đồng** (một tỉ ba trăm linh ba triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng), theo Hợp đồng cho vay số LN1709280254892 ký ngày 09/10/2017, Khế ước nhận nợ Lần 01/số LN1709280254892 là 664.091.325 đồng và Hợp đồng cho vay số LN1811221083944 ký ngày 24/11/2018, Khế ước nhận nợ Lần 01/số: LN1811221083944 là 639.882.438 đồng.

- Về việc xử lý tài sản thế chấp là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Xóm L, thôn Đ, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CP 022134 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 13/11/2018 mang tên ông Vũ Quý L1 theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 4549/2018, quyền số 04 - 2018 TP/CC-SCC/HĐGD, ký ngày 24/11/2018 tại Văn phòng C2.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tổ A, phường P, quận L, thành phố Hà Nội theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG623016 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 01/03/2017 mang tên bà Lâm Thị Đ, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị L2, sang tên cho ông Vũ Quý L1 tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H – Chi nhánh quận L ngày 28/08/2017 theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 03649/2017/HĐTC, quyền số 01/2017/TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 06/10/2017 tại Văn phòng C3.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1):

Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc ông Vũ Quý L1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1) số tiền nợ lãi là **1.248.231.715 đồng** (một tỉ hai trăm bốn mươi tám triệu hai trăm ba mươi một nghìn bảy trăm mười lăm đồng), cụ thể tại:

- Hợp đồng cho vay số LN1709280254892 ký ngày 09/10/2017 và Khế ước nhận nợ Lần 01/số LN1709280254892 là: Nợ lãi: 463.284.428 đồng (gồm: lãi

trong hạn là 4.641.864 đồng, lãi quá hạn là 458.642.564 đồng); Lãi chậm trả lãi: 2.367.987 đồng. Tổng cộng: **465.652.415 đồng** (bốn trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm lăm mươi hai nghìn bốn trăm mười lăm đồng).

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 10/01/2018 là: Nợ lãi: 51.947.819 đồng (gồm: lãi trong hạn là 431.290 đồng, lãi quá hạn là 51.516.529 đồng); Lãi chậm trả lãi: 220.017 đồng. Tổng cộng: **52.167.836 đồng** (năm mươi hai triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng).

- Hợp đồng cho vay số LN1811131062454 ký ngày 15/11/2018 và Khế ước nhận nợ Lần 01/số LN1811131062454 là: Nợ lãi: 226.637.136 đồng (gồm: lãi trong hạn là 1.814.195 đồng, lãi quá hạn là 224.822.941 đồng); Lãi chậm trả lãi: 879.263 đồng. Tổng cộng: **227.516.399 đồng** (hai trăm hai mươi bảy triệu năm trăm mười sáu nghìn ba trăm chín mươi chín đồng).

- Hợp đồng cho vay số LN1811221083944 ký ngày 24/11/2018 và Khế ước nhận nợ Lần 01/số: LN1811221083944 là: Nợ lãi: 498.619.241 đồng (gồm: lãi trong hạn là 8.240.579 đồng, lãi quá hạn là 490.450.662 đồng); Lãi chậm trả lãi: 4.203.824 đồng. Tổng cộng: **502.895.065 đồng** (năm trăm linh hai triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Vũ Quý L1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng đồng và khế ước nhận nợ nêu trên. Trường hợp trong các hợp đồng trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của V1 thì lãi suất mà ông Vũ Quý L1 tiếp tục thanh toán cho V1 theo quyết định này cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của V1.

### 3. Về án phí:

- Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 42.785.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000747 ngày 17/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn là ông Vũ Quý L1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 49.447.000 đồng (đã làm tròn).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2

Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thị Giang**